

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2026/HC- PT**

Ngày: **23/3/2026**

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đinh Phước Hoà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 203/2025/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 429A/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn M, sinh năm: 1931; cư trú tại: Số B đường T, phường B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; cư trú tại: Số B đường T, phường B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Quang H - Luật sư Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh G. Địa chỉ: B Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND tỉnh G

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn T1 – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh G. Vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định;

3. Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai: Ông Nguyễn Ái V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hội đồng giải phóng mặt bằng thị xã H, tỉnh Bình Định (đã giải thể theo quyết định số 8885/QĐ- UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND thị xã H hiện không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975; Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Á, sinh năm 1970; Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Á, ông Nguyễn Văn T3 là bà Nguyễn Thị T. Bà T có mặt.

Các ông bà T, Y, L, T2, Y, Á, T3 đều cư trú tại: Số B đường T, phường B, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Trước giải phóng, gia đình ông là chủ sở hữu diện tích đất bị ngập nước 04 sào 04 thước thuộc khu vực Đám B để trồng cây, hoa màu, chăn nuôi gia cầm, ruộng lúa và có đầy đủ các giấy chứng thư kiến điền cho chính quyền chế độ cũ cấp. Năm 1979 gia đình không làm đơn xin vào Hợp tác xã (viết tắt là HTX) theo chủ trương chung nên chính quyền địa phương đã lấy toàn bộ diện tích đất trên giao cho HTX quản lý (có bảng thống kê các thửa ruộng chính quyền đã lấy giao

cho HTX với chứng thư kiến điền của chế độ cũ cấp kèm theo đơn khởi kiện); gia đình ông chỉ còn lại phần diện tích đất ngay phía trước nhà gồm phần diện tích đất trên bờ và diện tích đất mặt nước trong khu vực Đám B để trồng rau màu và chăn nuôi gia cầm như gia đình ông đã sử dụng từ trước ngày giải phóng, đây là nguồn thu nhập chính để nuôi sống gia đình. Diện tích đất trên ông đã đứng tên kê khai quyền sử dụng và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (sau này đổi tên là UBND phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định và hiện nay là UBND phường B, tỉnh Gia Lai – viết tắt là UBND phường) ghi trong Sổ mục kê địa chính mẫu 5B là hộ cá thể, hàng năm gia đình ông đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất nông nghiệp cho UBND phường đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng làm nông nghiệp theo quy định. Phần ruộng đất của những hộ có đơn xin vào HTX và đưa ruộng đất vào HTX thì được ghi vào Sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5A do HTX quản lý, không nộp thuế đất nông nghiệp cho thị trấn. Hợp tác xã chỉ quản lý diện tích ruộng đất của các hộ xã viên và ruộng đất do UBND phường giao chứ không thể quản lý diện tích đất làm kinh tế nông nghiệp của gia đình ông như đã nêu trên.

Đến giữa năm 1980, HTX B2 thực hiện việc đào ao nuôi cá tại B đã tự ý lấy luôn phần diện tích đất có mặt nước của gia đình ông đang sử dụng có vị trí nằm trong diện tích đất mặt nước của Bàu R để nhập chung vào diện tích đất nuôi cá của HTX với sự hỗ trợ đắc lực của chính quyền và lực lượng dân quân thị trấn B; gia đình ông không đồng ý và đã gửi đơn khiếu nại với lý do đất này không phải là đất trồng lúa và gia đình đang trồng trọt, chăn nuôi để sinh sống, cũng không viết đơn tự nguyện đưa diện tích đất này cho HTX quản lý. Phần diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông chỉ còn lại phần diện tích đất trên bờ nằm ngay phía trước nhà, bị chia cắt với phần diện tích nhà bởi con đường đất dân sinh nhỏ, gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng để chăn nuôi gia cầm và có xây dựng một trại mộc để làm nghề mộc trên phần đất này. Ao nuôi cá của HTX không hiệu quả nên bị bỏ hoang và đến khi HTX B2 giải thể đã có rất nhiều người dân lấn chiếm toàn bộ diện tích đất mặt nước của Đầm Bàu R để làm nông nghiệp; riêng gia đình ông lấy lại phần diện tích đất mặt nước trước đây đã bị HTX lấy làm ao nuôi cá và vẫn sử dụng vào trồng rau màu, chăn nuôi gia cầm. Ông đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) kèm theo chứng thư kiến điền của chế độ cũ cấp đối với diện tích đất xin được cấp GCN; đơn của ông được Ban Tiếp dân của tỉnh chuyển về UBND huyện H (sau này đổi tên là UBND thị xã H, tỉnh Bình Định – viết tắt là U) giải quyết theo thẩm quyền tại Phiếu hướng dẫn số 293 ngày 17/5/2005, chuyển đơn đến Chủ tịch U nhưng không được giải quyết và không có văn bản trả lời.

Mặc dù UBND phường và UBND thị xã chưa ban hành văn bản nào giải quyết, trả lời các đơn của ông khiếu nại vì sao gia đình không vào HTX nhưng

HTX vẫn ngang nhiên lấy thửa đất của gia đình để đào ao nuôi cá và gia đình cũng không bị UBND phường lập bất cứ văn bản giấy tờ nào về việc chiếm dụng đất của HTX, nay là của UBND phường đang quản lý để sản xuất nhưng đến ngày 02/7/2018, Hội đồng giải phóng mặt bằng thị xã H, tỉnh Bình Định đã mời gia đình đến làm việc và phát cho B phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng, trong đó gia đình chỉ được bồi thường về cây lâu năm là 3.250.000 đồng, không được bồi thường về đất, không được hưởng bất kỳ chính sách hỗ trợ nào khi bị thu hồi đất và yêu cầu gia đình nếu không đồng ý thì gửi đơn khiếu nại.

Gia đình ông vẫn sử dụng ổn định diện tích đất này vào mục đích nuôi cá, chăn nuôi cho đến khi UBND thị xã và UBND phường lấy diện tích mặt nước của ao nuôi cá để thực hiện quy hoạch khu dân cư và đã lấy luôn phần diện tích mặt nước của gia đình để san lấp nền nhưng không bồi thường theo quy định của Luật Đất đai nên ông có đơn khiếu nại.

Ngày 23/8/2019, ông đã gửi đơn khiếu nại với nội dung “Gia đình tôi có hay không có đơn xin vào HTX B2. Nếu có đơn xin vào HTX thì cần phải tổ chức họp để đối chất với gia đình tôi nhằm tránh trường hợp làm giả mạo Đơn xin vào HTX. Căn cứ pháp lý nào để HTX B2 chiếm đoạt toàn bộ diện tích đất 04 sào 04 thước (tục danh Bàu Rong) của gia đình đang sử dụng để đào ao nuôi cá?” và nội dung các đơn khiếu nại đều ghi rõ các căn cứ này để khiếu nại. Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6920/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 (viết tắt là Quyết định số 6920) và Chủ tịch UBND tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai – viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh) đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4027/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 (viết tắt là Quyết định số 4027) bác đơn khiếu nại của ông. Ông không đồng ý 02 quyết định trên, bởi lẽ:

Tại buổi đối thoại, UBND thị xã không xuất trình được Đơn xin vào HTX và đưa ruộng đất vào HTX, đồng thời cũng không chứng minh được về việc gia đình ông được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất nhưng vẫn kết luận là hộ xã viên và đã được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của C1 phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (viết tắt là Nghị định số 64) theo phương án giao quyền của thị trấn B, đã được UBND thị xã phê duyệt và cấp GCN được ghi trong Quyết định số 6920.

Tại lần giải quyết khiếu nại lần 2, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã mời ông đến để làm việc và ghi lời khai; ông đã ghi toàn bộ nội dung vào Đơn xin trình sử dụng đất, yêu cầu làm rõ bản photo của Đơn xin vào HTX của gia đình do Thanh tra thị xã H cung cấp là đúng hay sai và đề nghị phải có bản chính của Đơn xin vào HTX để đối chiếu và giám định chữ ký của ông đã ký trong đơn này là do ông ký hay người khác giả mạo vì tại buổi đối thoại ngày 16/5/2024 do

UBND thị xã tổ chức có mời ông Nguyễn Văn T4 - Trưởng khu phố E, phường B tham dự, ông T4 cũng đã xem tờ giấy photo do Thanh tra thị xã H cung cấp và ông T4 thừa nhận không thể đọc được nên giấy này không thể gọi là bằng chứng gia đình vào HTX được. Tại buổi đối thoại với Chủ tịch UBND tỉnh, ông tiếp tục đề nghị làm rõ việc gia đình ông không vào HTX và đề nghị cung cấp bản chính Đơn xin vào HTX của gia đình ông nhưng Thanh tra thị xã H lại xuất trình bản photo để chứng minh gia đình ông đã vào HTX và đã được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định số 64. Nếu UBND thị xã cho rằng gia đình ông đã vào HTX và đã được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cũng như cấp GCN thì đề nghị phải chứng minh rõ giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho gia đình ông là thửa ruộng nào, ở đâu, diện tích bao nhiêu và ai là người đứng tên chủ sử dụng đất? Nếu đã cấp GCN cho gia đình ông như UBND thị xã báo cáo, kết luận thì phải nêu rõ số hiệu và ngày tháng năm cấp GCN, số hiệu và diện tích thửa đất cũng như tên của người được cấp quyền sử dụng đất trong GCN. Thế nhưng Chủ tịch UBND tỉnh cũng không giải quyết trả lời mà bảo gia đình ông ra về và yêu cầu UBND thị xã phải xem xét để giải quyết bồi thường cho gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

Để có cơ sở hủy Quyết định số 4027 và Quyết định số 6920, ông đề nghị người bị kiện cung cấp bản chính Đơn xin vào HTX của gia đình ông và phương án giao quyền của Hội đồng giao quyền thị trấn B đã lập và được UBND thị xã phê duyệt, GCN cho gia đình ông theo Nghị định số 64, lưu giữ tại cơ quan chuyên môn của UBND thị xã và Sổ địa chính có trang số ghi tên Nguyễn M ghi ngày tháng năm cấp sổ là 11/12/1996, tờ bản đồ số 15, thửa số 86A theo Quyết định số 565/QĐ-UB ngày 25/9/1996 của UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn M (hiện nay UBND phường đang lưu giữ). Sau khi có các văn bản này, đề nghị Tòa án tổ chức trưng cầu giám định để làm rõ chữ ký của ông (Nguyễn M) ghi trong các giấy tờ này là đúng của ông hay bị người khác giả mạo. Nếu phía người bị kiện không cung cấp đầy đủ các văn bản giấy tờ này mà đặc biệt là bản chính của đơn xin vào HTX ghi tên Nguyễn M thì ông đề nghị tuyên bản photo đơn xin vào HTX ghi tên Nguyễn M do UBND phường và Thanh tra thị xã H cung cấp để UBND thị xã và UBND tỉnh ban hành 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là giấy tờ giả mạo.

Ngoài ra, ông đề nghị Tòa án xác định gia đình ông là hộ cá thể hay là hộ xã viên HTX vì từ năm 2002 đến nay UBND phường ghi tên của ông là Nguyễn M trong Sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5B và hàng tháng UBND phường thu tiền thuế đất nông nghiệp thể hiện trong Biên lai thu thuế đứng tên Nguyễn M do UBND phường phát hành; xác định bằng phương án giao quyền của Hội đồng giao quyền thị trấn B đã lập và được UBND thị xã phê duyệt có ghi tên hộ Nguyễn M được cân đối giao quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật hay không vì tên

Nguyễn M đã được ghi trong Sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5B là căn cứ pháp lý để hàng tháng UBND phường phát hành biên lai thu thuế đất nông nghiệp đối với hộ Nguyễn Mười .

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4027 và Quyết định số 6920; buộc UBND thị xã bồi thường về đất đã thu hồi của gia đình ông; giải quyết cho ông được mua một lô đất đối với diện tích đất đã thu hồi và san lấp khoảng 1.500m² (theo số liệu của UBND phường) của gia đình ông; cấp GCN đối với phần diện tích đất không phải là mặt nước còn lại khoảng 1.000m² (theo số liệu của UBND phường) mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Á, ông Nguyễn Văn T3 là bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Các ông bà thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mười . Ngoài ra, không ai có yêu cầu độc lập hoặc trình bày nội dung nào khác.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Nguyễn Tuấn T1 – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh trình bày:***

[1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo xác nhận của UBND phường về nguồn gốc đất như sau: Ngày 18/5/1979, ông Nguyễn M có đơn xin vào HTX gửi Ban Vận động thành lập HTX B2, trong đó có ruộng đất tư (đất hương hỏa) ở cánh đồng xứ Bàu Rong, diện tích 02 mẫu 01 sào 06 thước và đất xâm phụ canh có diện tích 02 sào 10 thước tại thôn A, xã B. Năm 1981, HTX B2 thực hiện việc đào ao nuôi cá tại khu vực B, thôn A, xã B (nay là khu phố E, phường B) trong đó có thửa đất số 520, tờ bản đồ số 01 (viết tắt là thửa đất số 520), trước đây của hộ gia đình ông Nguyễn M và đất của một số hộ gia đình (ông Nguyễn Văn B1, bà Huỳnh Thị M1, bà Trần Thị Hồng V1 và bà Võ Thị T5) là hộ xã viên HTX B2, đã đưa ruộng đất vào HTX theo chính sách hợp tác hóa. Đến năm 1982, hoàn thành việc đào ao, HTX đã sử dụng để nuôi cá đến năm 1984.

Theo Bản đồ đo đạc năm 1984 (Bản đồ 299) được UBND thị xã ký duyệt ngày 03/11/1985: Thửa đất có số hiệu 686, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.784m²

(viết tắt là thửa đất số 686), trong đó có diện tích khoảng $1.500\text{m}^2/2.500\text{m}^2$ hiện nay ông M1 và các con ông M1 khiếu nại, loại đất Ao cá; ghi tên chủ sử dụng ruộng đất là Hợp tác xã B2.

Năm 1985 - 1995, HTX B2 giao khoán đất ao trên cho hộ ông Võ T6, hộ ông Nguyễn Đ và hộ ông Nguyễn C2 (là hộ xã viên Hợp tác xã) để nuôi cá nhưng không hiệu quả, 03 hộ nêu trên đã trả lại đất ao cho UBND phường quản lý.

Từ năm 1996 đến năm 2001, do 03 cá nhân là các ông bà Mai Thanh T7, Nguyễn Văn T8 và Trần Thị K tự ý chiếm dụng đất ao để nuôi cá. Năm 2002, các ông bà nêu trên chuyển sang trồng rau màu và một số loại cây trồng khác như chuối, ổi, vú sữa, dừa, tre... cho đến khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư Đ, khu phố E, phường B, thị xã H (viết tắt là Dự án Khu dân cư đường H).

Theo Bản đồ đo đạc năm 1996 (chỉnh lý Bản đồ 299) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 04/01/1997: Thửa đất số 686 được chỉnh lý thành 08 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 13 với tổng diện tích 5.144m^2 , gồm: Thửa số 80, diện tích 662m^2 ; thửa số 81, diện tích 716m^2 ; thửa số 83, diện tích 640m^2 ; thửa số 84, diện tích 780m^2 ; thửa số 102, diện tích 695m^2 ; thửa số 103, diện tích 744m^2 ; thửa số 104, diện tích 763m^2 , cùng một loại đất Ao hồ và thửa số 82, diện tích 144m^2 , loại đất hoang (Hg); ghi tên chủ sử dụng đất là UBND phường. Diện tích chênh lệch giảm $5.640\text{m}^2 = (10.784\text{m}^2 - 5.144\text{m}^2)$ so với thửa đất số 686 là phần diện tích đất đường bờ xung quanh 07 thửa đất ao và một phần diện tích do biến động với các chủ sử dụng đất liền kề.

Theo Bản đồ đo đạc hệ tọa độ Quốc gia (Bản đồ V - 2000) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 06/8/2009: Đo nhập 08 thửa đất (gồm các thửa đất số: 80, 81, 82, 83, 84, 102, 103 và 104) và đất đường bờ xung quanh 07 thửa đất ao thuộc tờ bản đồ số 13 thành thửa đất số 37, tờ bản đồ số 97, diện tích $9.554,3\text{m}^2$ (viết tắt là thửa đất số 37), mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu: TSN), ghi tên người sử dụng, quản lý là UBND phường.

[2] Kết quả bồi thường, hỗ trợ: Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án (viết tắt là HĐGPMB) không tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn M theo quy định vì hộ gia đình ông Nguyễn M không sử dụng diện tích $1.500\text{m}^2/9.554,3\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 37 từ khi thành lập HTX B2 đến nay.

[3] Kết quả giải quyết khiếu nại:

Ngày 20/5/2024, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 6920 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ gia đình ông Nguyễn M, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của hộ gia đình ông Nguyễn M về bồi thường,

hỗ trợ phần diện tích bị thu hồi; bán hỗ trợ đất ở khi Nhà nước thu hồi thửa đất 37 để xây dựng công trình Dự án Khu dân cư đường H.

Không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại nêu trên, ông M khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B tại Văn bản số 292/BC-STNMT ngày 31/10/2024 về kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ vụ việc, Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì đối thoại giải quyết khiếu nại của hộ gia đình ông M và ban hành Quyết định số 4027 giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông M; theo đó việc hộ gia đình ông M khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đang sử dụng khoảng 2.500m² (trong đó: 1.500m² đất ao cá và 1.000m² đất bờ xung quanh ao cá) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng Khu dân cư đường H là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 6920. Bởi lẽ:

- Phần diện tích đất 1.500m²/9.554,3m² thuộc thửa đất số 37 (diện tích thực tế 9.569,8m²) từ năm 1980 đến nay hộ gia đình ông Nguyễn M không sử dụng; diện tích đất 1.500m² do UBND phường quản lý. Hộ gia đình ông Nguyễn M là hộ xã viên HTX B2 đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp đủ nhân khẩu, đủ diện tích theo quy định của địa phương. Năm 2018, thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư Đ, HĐGPMB không tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn M theo quy định của pháp luật.

- Phần đất đường đi và đất nương do UBND phường quản lý: Năm 2009, hộ gia đình ông Nguyễn M trồng cây cối, hoa màu gồm cau, dừa, chuối, keo lai nên hộ gia đình ông Nguyễn M không được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định tại Điều 5 và khoản 6 Điều 8 của Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh (viết tắt là Quyết định số 13), hộ gia đình ông Nguyễn M chỉ được bồi thường về cây cối hoa màu trên đất.

Quyết định số 4027 được ban hành đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh không trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

*** *Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường B, ông Nguyễn Ái V – Phó Chủ tịch trình bày:***

Chủ tịch UBND phường thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Tuấn T1 – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Chủ tịch UBND phường B không trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T10 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T10 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) và Quyết định số 4027/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) bồi thường về đất đã thu hồi của gia đình ông, giải quyết cho ông được mua một lô đất đối với diện tích đất đã thu hồi và san lấp khoảng 1.500m² (theo số liệu của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) của gia đình ông.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất không phải là mặt nước còn lại khoảng 1.000m² (theo số liệu của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2025, người khởi kiện ông Nguyễn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo và ngày 30/9/2025 có đơn kháng cáo bổ sung; nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mười .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y thay đổi kháng cáo, đề nghị HĐXX huỷ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện của người bị kiện ông Nguyễn Tuấn T1 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh G vắng mặt. Tuy nhiên, ông T1 đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 05/3/2026, ông T1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại các phiên tòa phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Ái V - Phó Chủ tịch UBND phường B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các ông, bà Nguyễn M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Á và Nguyễn Văn T3 vắng mặt, nhưng đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng. Căn cứ quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.2] Vào các ngày 18/12/2024 và 28/3/2025, ông M nộp đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung trực tiếp tại Tòa án về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4027 và Quyết định số 6920; buộc UBND thị xã H bồi thường về đất đã thu hồi của gia đình ông, giải quyết cho ông được mua một lô đất đối với diện tích đất đã thu hồi và san lấp khoảng 1.500m² (theo số liệu của UBND phường) của gia đình ông, cấp GCN đối với phần diện tích đất không phải là mặt nước còn lại khoảng 1.000m² (theo số liệu của UBND phường) mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay theo quy định.

Quyết định số 4027 và Quyết định số 6920 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của ông M là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mười. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Y thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Thấy rằng:

[2.1] Thực hiện Dự án khu dân cư đường H, gia đình ông Nguyễn M có đơn khiếu nại việc Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện dự án nhưng không bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đang sử dụng khoảng 2.500m² (trong đó đất ao cá 1.500m² và diện tích đất bờ xung quanh ao cá 1.000m²) và các khoản hỗ trợ khác. Chủ tịch UBND thị xã H đã ban hành Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không công nhận nội dung khiếu nại. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã H, gia đình ông M tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 4027/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của gia đình ông Nguyễn M; theo đó, công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Bình Định.

[2.2] Việc Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 6920 về giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định Quyết định số 4027 giải quyết khiếu nại lần hai đối với gia đình ông Nguyễn M đã căn cứ các khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 31, Điều 40 của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011 và biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Như vậy, các quyết định trên đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn ban hành.

[2.3] Xem xét về nội dung của các Quyết định thì thấy rằng:

[2.3.1] Sau khi gia đình ông Nguyễn M có đơn khiếu nại việc Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện dự án nhưng không bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đang sử dụng và các khoản hỗ trợ khác. Ngày 20/5/2024, Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 6920 giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông bà Nguyễn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Á và không công nhận nội dung khiếu nại là đúng pháp luật, bởi lẽ:

[2.3.1.1] Theo xác nhận của UBND phường, phần diện tích đất hộ ông M khiếu nại có nguồn gốc đất như sau:

Ngày 18/5/1979, ông Nguyễn M có đơn xin vào HTX gửi Ban Vận động thành lập HTX B2, trong đó có ruộng đất tư (đất hương hỏa) ở cánh đồng xứ Bàu Rong, diện tích 02 mẫu 01 sào 06 thước và đất xâm phụ canh có diện tích 02 sào 10 thước tại thôn A, xã B. Năm 1981, HTX B2 thực hiện việc đào ao nuôi cá tại khu vực B, thôn A, xã B (nay là khu phố E, phường B) trong đó có thửa đất số 520, trước đây của hộ gia đình ông Nguyễn M và đất của một số hộ gia đình (ông Nguyễn Văn B1, bà Huỳnh Thị M1, bà Trần Thị Hồng V1 và bà Võ Thị T5) là hộ xã viên HTX B2, đã đưa ruộng đất vào HTX theo chính sách hợp tác hóa. Đến năm 1982, hoàn thành việc đào ao, HTX đã sử dụng để nuôi cá đến năm 1984.

Theo Bản đồ đo đạc năm 1984 (Bản đồ 299) được UBND thị xã ký duyệt ngày 03/11/1985: Thửa đất có số hiệu 686, diện tích 10.784m² (trong đó có diện tích khoảng 1.500m²/2.500m² hiện nay ông M1 và các con ông M1 khiếu nại), loại đất Ao cá; ghi tên chủ sử dụng ruộng đất là Hợp tác xã B2.

Năm 1985 - 1995, HTX B2 giao khoán đất ao trên cho hộ ông Võ T6, hộ ông Nguyễn Đ và hộ ông Nguyễn C2 (là hộ xã viên Hợp tác xã) để nuôi cá nhưng không hiệu quả, 03 hộ nêu trên đã trả lại đất ao cho UBND phường quản lý.

Từ năm 1996 đến năm 2001, do 03 cá nhân là các ông bà Mai Thanh T7, Nguyễn Văn T8 và Trần Thị K tự ý chiếm dụng đất ao để nuôi cá. Năm 2002, các ông bà nêu trên chuyển sang trồng rau màu và một số loại cây trồng khác như chuối, ổi, vú sữa, dừa, tre... cho đến khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư đường H.

Theo Bản đồ đo đạc năm 1996 (chỉnh lý Bản đồ 299) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 04/01/1997: Thửa đất số 686 được chỉnh lý thành 08 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 13 với tổng diện tích 5.144m², gồm: Thửa số 80, diện tích 662m²; thửa số 81, diện tích 716m²; thửa số 83, diện tích 640m²; thửa số 84, diện tích 780m²; thửa số 102, diện tích 695m²; thửa số 103, diện tích 744m²; thửa số 104, diện tích 763m², cùng một loại đất Ao hồ và thửa số 82, diện tích 144m², loại đất hoang (Hg); ghi tên chủ sử dụng đất là UBND phường. Diện tích chênh lệch giảm 5.640m² = (10.784m² - 5.144m²) so với thửa đất số 686 là phần diện tích đất đường bờ xung quanh 07 thửa đất ao và một phần diện tích do biến động với các chủ sử dụng đất liền kề.

Theo Bản đồ đo đạc hệ tọa độ Quốc gia (Bản đồ V - 2000) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 06/8/2009: Đo nhập 08 thửa đất (gồm các thửa đất số: 80, 81, 82, 83, 84, 102, 103 và 104) và đất đường bờ xung quanh 07 thửa đất ao thuộc tờ bản đồ số 13 thành thửa đất số 37, diện tích 9.554,3m², mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu: TSN), ghi tên người sử dụng, quản lý là UBND phường.

[2.3.1.2] Thực hiện Nghị định số 64, hộ ông M1 là hộ xã viên HTX B2, ông M1 có đơn xin vào HTX ngày 18/5/1979, hộ có 05 nhân khẩu. Năm 1995, UBND phường đã lập phương án ngày 10/9/1994 xét cân đối đề nghị UBND thị xã giao quyền sử dụng đất và cấp GCN số 01823 ngày 20/01/1997, đã được UBND thị xã ký duyệt tại Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 12/10/1994, gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 86A, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.960m² (trong đó 200m² đất ở và 2.760m² đất vườn) và thửa đất số 270B, tờ bản đồ số 7, diện tích 179m²/428m² loại đất màu. Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa 270B, diện tích 249m² (đất hạng 4) thì ngày 05/12/2001, UBND phường lập hợp đồng thuê đất công ích cho ông M1, theo đó ông M1 được thuê diện tích đất trên và 03 thửa đất khác, thời hạn cho thuê đất là 3 năm (kể từ ngày 20/11/2001 đến ngày 20/11/2004), hàng năm nộp cho UBND phường 90kg thóc (lúa) khô/năm.

Ngày 16/10/2002, ông M1 có đơn khiếu nại gửi UBND phường với nội dung là gia đình ông có các thửa ruộng trước đây trực tiếp canh tác, đến năm 1979, ông đã đưa vào HTX B2 làm ăn tập thể. Năm 1994, HTX B2 giải thể, các thửa ruộng của ông U phường quản lý nhưng không trả lại ruộng cho ông mà giao lại cho một số hộ dân khác canh tác, gia đình ông thuộc hộ nông nghiệp mà không có ruộng để sản xuất. Nội dung khiếu nại nêu trên của ông M1 đã được Chủ tịch UBND phường giải quyết tại Quyết định số 39/QĐ-CT, Chủ tịch UBND thị xã giải quyết tại Quyết định số 854/QĐ-CT ngày 24/6/2003 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 7386/QĐ-UB ngày 12/8/2003, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông M1.

[2.3.1.3] Như vậy, theo khoản 2 Điều 8 của quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh B - viết tắt là Quyết định số 04): “*Đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai. Trường hợp thửa đất không có tên trong sổ bộ thuế thì được bồi thường theo hạng đất của thửa đất nông nghiệp liền kề có cùng vị trí và mục đích sử dụng*”. Việc gia đình ông M1 yêu cầu bồi thường một phần thửa đất số 37 bị ảnh hưởng của Dự án khu dân cư đường H là không có cơ sở xem xét giải quyết.

[2.3.1.4] Bên cạnh đó, theo khoản 3 Điều 42 của Quyết định số 04: “*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước xem xét bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất*” thì hộ ông M1 không đủ điều kiện để xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định.

[2.3.1.5] Do việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thị xã H là có căn cứ, đúng pháp luật nên ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND tỉnh B (nay là tỉnh gia Lai) ban hành Quyết định số 4027 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông M1, theo đó công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 6920 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ ông M1.

[2.3.2] Ông M1 cho rằng gia đình ông là chủ sở hữu diện tích đất bị ngập nước 04 sào 04 thước thuộc khu vực Đám B để trồng cây, hoa màu, chăn nuôi gia cầm, ruộng lúa và có đầy đủ các giấy chứng thư kiến điền cho chính quyền chế độ cũ cấp. Sau ngày giải phóng, vì gia đình không vào HTX và cũng không làm đơn xin vào HTX vào năm 1979 theo chủ trương chung nên chính quyền địa phương đã lấy toàn bộ diện tích đất trên giao cho HTX quản lý. Nội dung trình bày trên của ông M1 là không phù hợp vì theo đơn khiếu nại đề ngày 26/6/2003 của ông đối với Quyết định số 39/QĐ-CT của Chủ tịch UBND phường và Quyết định số 854/QĐ-CT ngày 24/6/2003 của Chủ tịch UBND thị xã, ông đã xác định là gia đình ông đã đưa đất gồm 2 mẫu 1 sào ruộng và 2 sào 12 thước đất vào HTX năm 1979 theo chủ trương của nhà nước, cụ thể: “*Diện tích đất của gia đình tôi đưa vào HTX gồm 2 mẫu 1 sào ruộng và 2 sào 12 thước đất theo chủ trương của Đảng. Quyết định 39/QĐCT đã thừa nhận diện tích này có nguồn gốc hợp pháp*”.

của gia đình tôi. Gia đình tôi sử dụng trước năm 1975 đến năm 1979, gia đình tôi vẫn sống bằng nghề nông đến nay... Gia đình tôi đưa đất vào HTX, khi HTX không hoạt động lấy đất của tôi chia cho người khác không có quyết định thu hồi hoặc đền bù là trái pháp luật... Đất có nguồn gốc hợp pháp của gia đình tôi trước năm 1975, gia đình tôi đưa đất vào HTX năm 1979, vì lý do gì lại lấy ruộng của gia đình tôi cấp cho người khác... Trong khi đó đất của gia đình tôi đưa vào HTX để làm ăn theo chủ trương của Đảng lại lấy cấp cho người khác để gia đình tôi phải thuê lại đất sản xuất...”

[2.3.3] Như vậy, có cơ sở để xác định thực hiện Nghị định số 64, ông Nguyễn M đã có đơn xin vào HTX và đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, cấp GCN theo quy định. Phần diện tích đất hiện nay ông M đang khiếu nại yêu cầu bồi thường không phải là các thửa đất mà hộ ông M đã được cấp quyền sử dụng đất theo GCN số 01823 ngày 20/01/1997 và tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, cấp GCN nêu trên, hộ gia đình ông M không có ai thực hiện việc khiếu nại hoặc có ý kiến gì khác. Phần diện tích đất ông M đang khiếu nại đã được Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N trước ngày 01/7/1991. Căn cứ khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” và Điều 1 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 “*Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất*” thì việc ông M khiếu nại cho rằng phần diện tích đang sử dụng khoảng 2.500m² (trong đó đất ao cá 1.500m² và diện tích đất bờ xung quanh ao cá 1.000m²) bị ảnh hưởng thu hồi trong Dự án xây dựng Khu dân cư đường H thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông bà, không vào HTX, sử dụng ổn định từ trước năm 1975 cho đến nay là không đúng quy định. Do hộ ông Nguyễn M không sử dụng diện tích nêu trên kể từ khi thành lập HTX B2 năm 1980 cho đến nay nên HĐGPMB không tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất, xem xét cấp đất tái định cư cho hộ ông M và chỉ tính toán bồi thường về cây cối, hoa màu cho hộ ông M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Như đã nhận định tại mục [2] nêu trên, các Quyết định số 4027 và Quyết định số 6920 được ban hành đúng quy định. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu UBND thị xã H bồi thường về đất đã thu hồi của gia đình ông, giải quyết cho ông được mua một lô đất đối với diện tích đất đã thu hồi và san lấp khoảng 1.500m² (theo số liệu của UBND phường) của gia đình ông, cấp GCN đối với phần diện tích đất không phải là mặt nước còn lại khoảng 1.000m² (theo số liệu của UBND phường) mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay là không có cơ sở.

[4] Từ các nhận định tại các mục [2] và [3], Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, việc Toà án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung đề nghị giám định chữ ký để xác định gia đình ông Nguyễn M có vào HTX hay không được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M trình bày tại phiên toà phúc thẩm đã được Toà án cấp sơ thẩm đánh giá, phân tích, làm rõ như đã nhận định tại mục [2.3.2] và [2.3.3] nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Y.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T10 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T10 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) và Quyết định số 4027/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) bồi thường về đất đã thu hồi của gia đình ông, giải quyết cho ông được mua một lô đất đối với diện tích đất đã thu hồi và san lấp khoảng 1.500m² (theo số liệu của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) của gia đình ông.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất không phải là mặt nước còn lại khoảng 1.000m² (theo số liệu của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai) mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ bà Y đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0002598 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hoà - Lê Văn Thường

Phùng Anh Dũng

